

XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC CHO CÁC LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG BIỂN, ĐẢO

TS. Huỳnh Phú - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

1. Mở đầu

Việt Nam có vùng biển đặc quyền kinh tế rộng gấp 3 lần diện tích lãnh thổ đất liền, có bờ biển dài hơn 3260 km (chưa kể các bờ đảo). Có hơn 3000 đảo lớn, nhỏ; tiềm năng tài nguyên sinh vật biển lớn và có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự phát triển của đất nước. Hiện nay, cả nước có 28 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ven biển và 12 huyện đảo. Dọc ven biển tập trung hơn 50% đô thị cả nước, có dân cư đông đúc, nguồn lao động dồi dào, với khoảng 25 triệu dân và khoảng 13 triệu lao động. Dự báo đến năm 2020, dân số ở khu vực này khoảng 30 triệu người với 19 triệu lao động.

Chủ trương phát triển kinh tế và bảo vệ chủ quyền vùng biển được Đảng và Nhà nước coi trọng và được cụ thể hóa trong Nghị quyết của các đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII, VIII, IX. Đến Hội nghị Ban chấp hành TW Đảng lần thứ 4 khóa X, Đảng ta đã thông qua Nghị quyết 09/2007/NQ-TW về ban hành Chiến lược Biển Việt Nam đến năm 2020. Trong đó, xác định mục tiêu đến năm 2020 “phấn đấu đưa nước ta trở thành một quốc gia mạnh về biển và làm giàu từ biển”.

Chiến lược biển Việt Nam đến 2020 thể hiện tư tưởng chỉ đạo và ý chí chính trị của Đảng và Nhà nước ta đối với các vấn đề cực kỳ hệ trọng của đất nước, đó là biển đảo. Một vấn đề vừa rộng lớn, vừa phức tạp, vừa đòi hỏi tính bao quát, toàn diện và tầm nhìn dài hạn cũng như các giải pháp mang tính đột phá đối với các vấn đề kinh tế, - xã hội, quản lý, quốc phòng an ninh, khoa học công nghệ, phát triển bền vững về biển và hải đảo của đất nước. Sự phát triển như vậy phải dựa trên thế mạnh, tính đặc thù và phát huy lợi thế của biển nước ta trong bối cảnh cụ thể của khu vực Biển Đông, cũng như việc đảm bảo lợi ích quốc gia trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế về biển.

Để tăng cường công tác quản lý Nhà nước về biển đảo, góp phần thực hiện chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020, cần phải có tiềm lực và nâng cao năng lực quản lý cho toàn hệ thống quản lý Nhà nước

về biển đảo từ trung ương đến địa phương. Ngay từ cương lĩnh 1991, Đảng ta đã xác định phát triển con người là một trong 6 đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa, khẳng định phát huy nhân tố con người là phương hướng lớn của chính sách xã hội. Qua các nhiệm kỳ đại hội, Đảng ta nhận thức ngày càng đầy đủ hơn, sâu sắc hơn và nhấn mạnh con người là vốn quý nhất, phát triển con người giữ vị trí trung tâm của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực của sự phát triển. Chiến lược biển Việt Nam năm 2020 coi trọng phát triển nguồn nhân lực biển, đáp ứng với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và quản lý vùng ven biển, quản lý biển và hải đảo.

Nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của toàn hệ thống quản lý Nhà nước về biển và hải đảo rất lớn: cán bộ nghiên cứu khoa học, cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn nghiệp vụ, các chuyên gia và đội ngũ công nhân lành nghề thuộc lĩnh vực kinh tế biển.

Do đặc thù của biển, công tác phát triển nguồn nhân lực quản lý Nhà nước về biển phải cùng với đào tạo chuyên môn, ra biển và quản lý biển phải có nghề. Đặc biệt, trong giai đoạn đầu còn rất thiếu nhân lực, cần phải đa dạng hình thức đào tạo cho phù hợp với từng đối tượng. Trong đó, cần ưu tiên đào tạo lại đội ngũ cán bộ công chức, viên chức ở trung ương và địa phương theo hình thức vừa học, vừa làm, đào tạo qua công việc, tham quan học hỏi, tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ, mở các lớp bồi dưỡng ngắn hạn, thông qua các hoạt động khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế. Phát triển nguồn nhân lực đối với ngành quản lý biển, đảo là bộ phận không tách rời của chiến lược phát triển con người của Đảng và Nhà nước ta. Đây là vấn đề mang tính chiến lược, đào tạo nguồn nhân lực chuẩn bị hành trang tương lai cho ngành. Do vậy, phát triển nguồn nhân lực là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng cần phải đi trước một bước, phải duy trì thường xuyên và gắn liền với kế hoạch sử dụng cán bộ.

Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội với nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực cho 7 lĩnh vực do Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý, trong đó

Người đọc phân biện: PGS. TS. Nguyễn Viết Lành

quản lý biển và hải đảo là hết sức quan trọng và cấp thiết.

2. Mục tiêu xây dựng chương trình đào tạo

Xây dựng chương trình đào tạo quản lý về biển, bao gồm vùng bờ biển, hải đảo và đại dương phục vụ phát triển kinh tế - xã hội bền vững, góp phần bảo vệ chủ quyền vùng biển của Tổ quốc.

Giáo dục cho sinh viên có kiến thức cơ bản về giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở về quản lý, về hải dương học, tài nguyên và môi trường biển, quản lý tổng hợp vùng bờ biển và quản lý Nhà nước về biển

Khi kết thúc khóa học, sinh viên có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, sử dụng các công cụ quản lý trong quá trình triển khai các hoạt động quản lý về biển, đảo. Họ phải là những con người có phẩm chất chính trị tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, cách làm công nghiệp, yêu biển và gắn bó với biển, với cộng đồng

3. Xây dựng chương trình đào tạo

Nội dung của chương trình đào tạo sẽ trang bị cho sinh viên những vấn đề lý luận cơ bản về mối quan hệ biện chứng giữa phát triển kinh tế - xã hội với môi trường. Sinh viên có cơ hội tìm hiểu sâu về biển và hải đảo. Chương trình sẽ đào tạo lực lượng từ học sinh tốt nghiệp phổ thông, đối với ngành quản lý sẽ tuyển các cán bộ đương nhiệm tại các cơ quan từ trung ương đến địa phương học văn bằng 2 trình độ đại học theo điều 22 và điều 23 của Quy chế 43/2007/QĐ- BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

Chương trình đào tạo 4 năm được thực hiện như sau:

+ Năm thứ nhất sinh viên sẽ học các tín chỉ về kiến thức đại cương

+ Các năm tiếp theo sinh viên hoàn tất các tín chỉ về giáo dục chuyên nghiệp, tham gia thực tập tốt nghiệp và làm đồ án tốt nghiệp. Toàn bộ khối lượng kiến thức trình bày trong bảng 1.

Bảng 1. Toàn bộ khối lượng kiến thức chương trình quản lý biển đảo

Khối lượng kiến thức	Số tín chỉ
Kiến thức giáo dục đại cương	50
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	95
+ Kiến thức cơ sở của khối ngành và của ngành	35
+ Kiến thức ngành và chuyên ngành	42
+ Thực tập nghề nghiệp và khóa luận tốt nghiệp	18
Tổng cộng	145

a. Kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở của khối ngành và của ngành

Kiến thức giáo dục đại cương được đào tạo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về toán, lý, hóa.. các môn lý luận chính trị và kỹ năng để bước vào cuộc sống. Kiến thức cơ sở của khối ngành và của ngành cung cấp các khái niệm cơ bản về quản lý, hình thức và

phương thức quản lý, các khái niệm về kinh tế, kinh tế biển, kinh tế vĩ mô, kinh tế vi mô và quản lý phát triển kinh tế biển. Các vấn đề xã hội biển, đảo, dân số và cơ cấu dân số biển đảo, tình hình xã hội biển đảo Việt Nam, các chủ trương chính sách liên quan đến giải quyết các vấn đề xã hội biển, đảo (di dân, dân sự hóa, tổ chức hành chính)

Những nội dung chính được thực hiện theo bảng 2.

Bảng 2. Khối lượng kiến thức giáo dục đại cương

	Kiến thức giáo dục đại cương: 50 Tín chỉ	50
1	Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê Nin 1	2
2	Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê Nin 2	3
3	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
5	Pháp luật đại cương	2
6	Đại số tuyến tính	2
7	Giải tích 1	3

NGHIÊN CỨU & TRAO ĐỔI

8	Giải tích 2	3
9	Vật lý đại cương	3
10	Tin học đại cương	3
11	Tiếng Anh 1	3
12	Tiếng Anh 2	3
13	Tiếng Anh 3	4
14	Hóa học đại cương	2
15	Phương trình toán lý	2
16	Cơ sở Địa lý biển và đại dương	2
17	Xác suất thống kê	2
18	Cơ sở môi trường	2
19	Phương pháp tính	2
20	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	2

b. Kiến thức ngành và chuyên ngành

Trang bị cho sinh viên những vấn đề lý luận cơ bản về biển, về vùng bờ, đới bờ, vùng bờ quản lý, các thuộc tính cơ bản của đới bờ, các hệ thống tài nguyên bờ, bối cảnh kinh tế ở đới bờ, vùng bờ, thể chế chính sách đới bờ, vùng bờ, sử dụng đa ngành tài nguyên bờ, hậu quả nảy sinh vùng bờ, bao gồm cả tác động của biến đổi khí hậu, biển nước biển dâng và nhu cầu quản lý tổng hợp ven biển, biển và hải đảo. Các vấn đề về đại dương, nguồn gốc và những đặc trưng cơ bản, sự khác biệt với đất liền dưới góc độ môi trường và tài nguyên, đặc trưng vỏ đại dương và vỏ trái đất, đặc trưng của các quá trình trong đại dương và biển cũng như đới bờ của nó, đặc trưng chung về sinh thái đại dương biển, các điều kiện hình thành tài nguyên biển. Mô tả vị thế, tiềm năng biển và các đặc trưng cơ bản về ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường biển, vấn đề tiếp cận quản lý biển và đại dương.

Các môn học liên quan đến kinh tế môi trường và tài nguyên biển hướng tới sự phát triển bền vững. Các chủ trương kinh tế hóa ngành tài nguyên môi trường và những vấn đề cần ưu tiên thực hiện trong lĩnh vực tài nguyên môi trường biển. Nội dung giảng dạy đem cho sinh viên kiến thức, mục đích, nội hàm, cách thức và sản phẩm, cách thức thực hành tốt liên quan đến quản lý Nhà nước (hành chính Nhà nước, quản lý và quản trị) cả về biển và hải đảo. Hoạt động quản lý tổng hợp biển, đảo dựa vào cộng đồng trong quản lý khai thác. Trên cơ sở quy hoạch sử dụng và quản lý không gian biển, những khái niệm phân vùng, quy hoạch không gian biển, vùng bờ, về quản lý biển theo không gian, mục đích nội dung, yêu cầu và phương pháp quy hoạch không gian biển và vùng bờ theo nguyên tắc Quốc tế và triển khai áp dụng quy hoạch, sử dụng không gian biển ở Việt Nam.

Những nội dung chính kiến thức giáo dục chuyên nghiệp trình bày trong bảng 3.

Bảng 3. Khối lượng kiến thức cơ sở ngành

Kiến thức cơ sở ngành 35 tín chỉ		35
1	Cơ sở khoa học quản lý	3
2	Cơ sở Kinh tế biển	3
3	Hải dương học đại cương	3
4	Hóa học môi trường biển	3
5	Sinh học và sinh thái biển	3
6	Địa chất và địa mạo biển	3
7	Cơ sở tài nguyên và môi trường biển	3
8	Cơ sở kỹ thuật bờ biển	2
9	Kinh tế Tài nguyên và Môi trường biển	3
10	Các quá trình ở vùng bờ biển	2
11	Tin học ứng dụng trong quản lý biển	2
12	Luật pháp và chính sách biển quốc tế	3

Bảng 4. Khối lượng kiến thức ngành

	Kiến thức ngành 42 tín chỉ	42
13	Luật pháp và chính sách biển Việt Nam	3
14	Quản lý nhà nước về biển	3
15	Quan trắc tổng hợp môi trường biển	2
16	Quản lý tổng hợp vùng bờ biển	3
17	Quy hoạch sử dụng không gian biển	2
18	Quản lý khu bảo tồn biển	2
19	Quản lý và kiểm soát ô nhiễm biển	2
20	Quản lý thiên tai và tai biến môi trường biển	2
21	Khí tượng biển và Biến đổi khí hậu	2
22	Quản lý hệ thống đảo của Việt Nam	2
23	Đánh giá môi trường và Tài nguyên biển	3
24	Tiếng Anh chuyên ngành	3
25	Điều tra cơ bản và tổng hợp biển	2
26	Vấn đề Chuyển quyền biển, đảo của Việt Nam	2
27	Hợp tác trong quản lý và khai thác biển Đông	2
28	Cộng đồng tham gia quản lý tài nguyên – môi trường biển	2
29	Kế hoạch ứng cứu sự cố tràn dầu	2
30	Công nghệ biển và đại dương	2

c. Thực tập nghề nghiệp và khóa luận tốt nghiệp

- Về kiến thức: Sinh viên xây dựng được một đề cương nghiên cứu về một vấn đề cụ thể để giải quyết một bài toán tương đối trọn vẹn trên cơ sở những học phần đã học dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

- Về kỹ năng: Sinh viên áp dụng được những kiến thức đã học, cũng như những tài liệu tham khảo để giải quyết một vấn đề thực tiễn nhất định.

- Về thái độ, chuyên cần: Sinh viên thêm yêu nghiên cứu khoa học, tích cực tìm tòi tài liệu để làm giàu hiểu biết của mình.

Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những khả năng đặt vấn đề giải quyết những bài toán thực tiễn, khả năng tiếp cận với phương pháp nghiên cứu khoa học cũng như khả năng viết đúng văn phong khoa học trình bày trong bảng 5.

Bảng 5. Thực tập và viết khóa luận tốt nghiệp

	Thực tập và viết khóa luận tốt nghiệp 18 tín chỉ	18
31	Thực tập về quản lý vùng bờ biển	4
32	Thực tập về quản lý hải đảo hoặc khu bảo tồn	5
33	Khóa luận tốt nghiệp	9

4. Kết luận

Việc xây dựng chương trình đào tạo cho ngành quản lý biển, đảo nhằm đáp ứng yêu cầu cung cấp nguồn nhân lực quản lý biển, đảo là lĩnh vực quan trọng, mang ý nghĩa kinh tế và đối ngoại, xác định vị thế chủ quyền Quốc gia và phát triển kinh tế biển là vấn đề hết sức cấp bách.

a. Thị trường nhu cầu một lực lượng lao động có trình độ cao trong quản lý biển, đảo, nội dung xây dựng chương trình đào tạo đáp ứng ngay khi xã hội còn rất thiếu.

b. Xu hướng hiện nay đào tạo theo tín chỉ. Vì vậy, cần sắp xếp các môn học cho phù hợp đào tạo theo tín chỉ, nhưng có thể kết hợp đào tạo theo niên chế.

c. Chương trình đào tạo đảm bảo tính liên thông và cập nhật Quốc tế, đảm bảo với yêu cầu kiến thức phục vụ công tác tại Việt Nam.

d. Quản lý biển đảo là lĩnh vực rất mới chưa có trường nào đào tạo. Ngoài những kiến thức về quản lý chung, vấn đề quản lý tài nguyên và môi trường biển và kinh tế biển mang tính đặc thù riêng, cho nên cần đẩy mạnh công tác liên kết đào tạo và mở rộng đào

NGHIÊN CỨU & TRAO ĐỔI

tạo bằng các hình thức khác nhau như liên thông, đào tạo theo địa chỉ, đào tạo văn bằng 2 mới đáp ứng đủ nhân lực cho công tác quản lý biển và hải đảo hiện nay.

e. Sinh viên thuộc ngành bắt buộc làm đồ án tốt

nh nghiệp để có thời gian xâm nhập thực tế, cọ xát nhiều với thực tế và hội đồng mới nâng cao được kiến thức.

f. Tăng cường hợp tác trong nước và quốc tế để cập nhật và bổ sung kiến thức đào tạo cho ngành phát triển nhanh hơn.

Tài liệu tham khảo

1. Ban tuyên giáo Trung ương, (2008). *Phát triển kinh tế và bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt nam*. NXB Chính trị Quốc gia
2. Nguyễn Chu Hồi, (2005). *Cơ sở Tài nguyên Môi trường biển*. NXB Đại học Quốc gia
3. Vũ Văn Phát, (2007). *Cơ sở địa lý tự nhiên biển & đại dương*. NXB Đại học Quốc gia
4. Huỳnh Phú, (2008). *Môi trường và phát triển bền vững*. Bài giảng cao học Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh
5. The US Commission on Ocean Policy, (2004). *An Ocean blueprint for the 21th Century*. Washington DC